

Bản án số: 08/2023/DS-ST

Ngày 15/5/2023

V/v: Tranh chấp

Hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hán Hưởng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Việt Tú và ông Hà Mạnh Linh

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký

Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê:* Bà Nguyễn Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khu G, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

2. *Các đồng Bị đơn:*

- Vợ chồng ông Đặng Văn T, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962 (ông T có mặt, bà H vắng mặt không có lý do).

- Vợ chồng anh Đặng Văn L, sinh năm 1990 và chị Lương Thị Y, sinh năm 1994 (anh L và chị Y đều có mặt).

*Cùng địa chỉ:* Khu H, xã HL, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2022, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:* Do có quan hệ quen biết trước đây, ngày 01/8/2021, chị có cho vợ chồng ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị H và vợ chồng anh Đặng Văn L và chị Lương Thị Y (là con trai và con dâu của ông T, bà H); cùng địa chỉ: Khu 10 (nay là khu H), xã HL, huyện C, tỉnh Phú Thọ vay số tiền 700.000.000đ (Bảy trăm T đồng). Hai bên có lập giấy vay tiền, nội dung thỏa thuận: Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày

01/8/2021. Mặc dù không ghi lãi suất trong giấy vay tiền, nhưng thỏa thuận lãi suất bên vay phải trả là 2%/tháng. Mục đích vay để anh L, chị Y buôn bán kinh doanh. Nếu không trả được nợ thì gia đình ông T, bà H phải trả cho chị 15 mét đất mặt đường bên phải theo hướng nhà của T, bà H để trả cho chị. Trong đó có 200m<sup>2</sup> ở, còn lại là đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 149, tờ bản đồ số 80, đứng tên vợ chồng ông T, bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2016; tại khu 10, xã HL, huyện C, tỉnh Phú Thọ để trả cho chị.

Tuy nhiên, từ khi vay, vợ chồng anh L mới trả được cho chị 35.000.000đ (Ba mươi lăm T đồng) tiền lãi. Từ đó đến nay vợ chồng ông T bà H và vợ chồng anh L, chị Y không trả tiền gốc và tiền lãi cho chị nữa.

Nay chị khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T, bà H và vợ chồng anh L, chị Y cùng có nghĩa vụ trả cho chị số tiền gốc còn nợ 700.000.000đ và lãi suất còn thiếu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông T, bà H, anh L, chị Y trả cho chị số tiền nợ gốc là 700.000.000đ, đồng thời chị V cũng xác định tổng số tiền lãi tính đến ngày xét xử là 80.000.000đ, anh L chị Y đã trả được 35.000.000đ, nên số tiền lãi còn phải thanh toán là 45.000.000đ. Tổng cả gốc và lãi là 745.000.000đ.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/01/2023 và biên bản lấy lời khai ngày 12/5/2023, bị đơn là vợ chồng ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị H cùng có quan điểm thống nhất trình bày: Do vợ chồng anh Đặng Văn L và chị Lương Thị Y là con đẻ và con dâu của ông bà có nhu cầu vay vốn làm ăn, nên hỏi vay tiền của chị Nguyễn Thị V. Sau đó, ngày 01/8/2021, chị V có đến nhà ông bà, nói với ông bà sẽ cho vợ chồng anh L chị Y vay tiền, với điều kiện ông bà phải cùng ký vào giấy là người vay tiền cùng với với chồng anh L, chị Y thì mới cho vợ chồng anh L, chị Y vay tiền để làm ăn. Sau này nếu vợ chồng anh L, chị Y không trả được tiền thì ông bà phải có nghĩa vụ trả cho chị V bằng trị giá 15 mét đất mặt đường đối với diện tích đất ông bà đang ở.*

Vì mong muốn vợ chồng anh L chị Y có tiền làm ăn, nên ông bà đồng ý đề nghị của chị V, sau đó chị V lập giấy vay tiền và đưa cho ông bà cùng vợ chồng anh L, chị Y ký vào giấy vay tiền này; sau đó anh L lấy xe mô tô trở bà H đến nhà chị V ở xã T để lấy tiền, sau khi chị V giao cho anh L số tiền 500.000.000đ thì anh L phải trả cho chị Nguyễn Thị X là người cùng khu số tiền 300.000.000đ anh L đã vay trước đây tại nhà chị V, nên thực tế anh L chỉ còn được mang 200.000.000đ về để sử dụng, ông bà không được sử dụng khoản tiền vay này.

Nay chị V khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông bà và vợ chồng anh L, chị Y cùng có nghĩa vụ trả nợ cho anh L, chị Y thì ông bà có quan điểm: Thực tế số tiền chị V cho vợ chồng anh L, chị Y vay là 500.000.000đ, nhưng ghi tại giấy vay tiền 700.000.000đ là không đúng và sau khi vay, vợ chồng anh L, chị Y là người trực tiếp sử dụng số tiền này. Vì vậy, nay vợ chồng anh L, chị Y phải có nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số tiền gốc và lãi cho chị V. Vợ chồng ông bà

không được sử dụng tiền vay nên không chịu trách nhiệm trả nợ theo đề nghị của chị V.

Tại phiên tòa, ông Đặng Văn T có mặt tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên.

*Tại bản tự khai ngày 08/12/2022, biên bản hòa giải ngày 19/12/2022, bị đơn vợ chồng anh Đặng Văn L và chị Lương Thị Y cùng có quan điểm thống nhất trình bày:* Anh chị thừa nhận do có nhu cầu có vốn để làm ăn, nên vợ chồng anh chị có hỏi vay chị V tiền, sau khi thống nhất số tiền chị V đồng ý cho vay 500.000.000đồng, lãi suất 3,5%/tháng; thời hạn vay 01 năm. Chị V tính cả gốc và lãi là 700.000.000đồng và yêu cầu vợ chồng phải đồng ý ghi vào giấy vay tiền là 700.000.000đồng và phải yêu cầu ông T và bà H cùng ký là người vay tiền thì mới cho vay, sau đó chị V đến nhà gặp ông T, bà H và đề nghị bố mẹ tôi phải cùng ký nhận nợ thì mới cho vay. Nếu sau này không trả được tiền bố mẹ tôi phải có trách nhiệm trả thay nếu không trả thì phải trả bằng 15 mét đất mặt đường của ông T, bà H đang làm nhà ở. Sau khi bố mẹ tôi đồng ý thì vợ chị V lập giấy vay tiền và yêu cầu ông T, bà H vợ chồng tôi cùng ký vào giấy vay tiền lập ngày 01/8/2021, sau đó chị V có giao cho vợ chồng anh chị số tiền 500.000.000đồng.

Nay chị V khởi kiện yêu cầu cả ông T bà H và vợ chồng anh chị phải trả số tiền nợ gốc 700.000.000đồng và lãi theo quy định của pháp luật thì anh chị có quan điểm: Thực tế chỉ một mình vợ chồng anh chị vay 500.000.000đồng tiền gốc nên chỉ đồng ý trả 500.000.000đồng tiền gốc và vợ chồng đã trả được 35.000.000đồng tiền lãi, việc vợ chồng anh chị vay không liên quan gì đến vợ chồng ông T bà H, nên chỉ vợ chồng anh chị có nghĩa vụ trả nợ. Do vợ chồng anh chị làm ăn khó khăn chưa có tiền trả nên anh chị đề nghị chị V giảm lãi cho vợ chồng anh chị.

Tại phiên tòa, vợ chồng anh L, chị Y lại thừa nhận vợ chồng có vay của chị V số tiền 700.000.000đồng, đã trả được 35.000.000đồng tiền lãi. Nay vợ chồng anh chị làm ăn khó khăn nên chưa trả được số tiền còn vay. Đề nghị chị V cho trả dần nợ gốc và không tính lãi số tiền anh chị đã vay.

\* Tại phiên tòa Kiểm sát viên có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Riêng đối với bị đơn bà H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do là vi phạm quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357; Điều 463; Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1,5 Điều 147; khoản điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2, khoản 9 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị V. Buộc các đồng bị đơn là vợ chồng ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị H và vợ chồng anh Đặng Văn L, chị Lương Thị Y phải cùng có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị V số tiền nợ gốc là 700.000.000đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử được chị V tự nguyện xác định là 80.000.000đồng. Tổng gốc và lãi là 780.000.000đồng. Xác nhận vợ chồng anh L, chị Y đã trả được số tiền lãi là 35.000.000đồng. Do vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi mà ông T, bà H, anh L, chị Y còn phải trả cho chị V là 745.000.000đồng. Trong đó: Ông T và bà H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền là 372.500.000đồng. Anh L và chị Y Xác có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 372.500.000đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của chị V được chấp nhận nên vợ chồng ông T, bà H và vợ chồng anh L, chị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, do ông T, bà H là người cao tuổi, xin miễn án phí nên miễn án phí cho vợ chồng ông T, bà H tương ứng với phần nghĩa vụ trả nợ của ông T, bà H theo quy định pháp luật. Anh L chị Y phải chịu án phí tương ứng với phần nghĩa vụ trả nợ của anh L, chị Y theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

Tranh chấp hợp đồng vay tiền giữa chị V và các đồng bị đơn là tranh chấp hợp đồng vay tài sản; trong khi các bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại khu H, xã HL, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Bà H vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do, hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử đối với vụ án là đảm bảo căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V đề nghị vợ chồng ông T, bà H và vợ chồng anh L, chị Y phải trả số tiền nợ gốc 700.000.000đồng và tiền nợ lãi tính theo quy định của pháp luật thấy rằng:**

**[2.1] Về số tiền nợ gốc:** Căn cứ vào giấy vay tiền lập ngày 01/8/2021 mà chị V cung cấp được cả vợ chồng ông T, bà H và vợ chồng anh L, chị Y thừa nhận chữ ký, chữ viết họ tên tại giấy vay tiền là đúng.

*Xét nội dung giấy vay tiền thể hiện:* Vợ chồng ông T, bà H và vợ chồng anh L, chị Y vay chị V số tiền 700.000.000đồng. Trong khi đó, ông T, bà H và vợ chồng anh L, chị Y cho rằng chỉ vay chị V số tiền 500.000.000đồng nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh, trong khi đó không được chị V thừa nhận. Người làm chứng chị X cung cấp thông tin chị chỉ biết có việc vay nợ giữa hai bên, không biết số tiền vay nợ cụ thể là bao nhiêu. Tại phiên tòa, chính vợ chồng anh L, chị Y lại thừa nhận vay của chị V số tiền 700.000.000đồng. Như vậy, có cơ sở để xác định ông T, bà H và vợ chồng anh L, chị Y vay của chị V số tiền nợ gốc là 700.000.000đồng. Nên buộc bên vay phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 700.000.000đồng là có căn cứ.

*[2.2]. Về số tiền lãi:*

Quá trình giải quyết vụ án, chị V trình bày các bên thoả thuận lãi suất cho vay là 2%/tháng, bị đơn là vợ chồng anh L, chị Y cho rằng hai bên thoả thuận phải trả lãi 3,5%/tháng, nhưng các bên đều không đưa ra được căn cứ để chứng minh lời trình bày của mình. Tại phiên tòa, anh L, chị Y và ông T đề nghị chị V được miễn trả lãi đối với số tiền vay, nhưng chị V không nhất trí nên Hội đồng phải giải quyết lãi suất của số tiền tranh chấp theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

Như vậy, chỉ có cơ sở xác định các bên có thoả thuận lãi suất nhưng có tranh chấp về lãi suất. Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “*Trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*”. Lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 là 20%. Nên lãi suất có tranh chấp bằng 50% tương ứng 10%/năm tại thời điểm trả nợ.

Thời hạn vay từ ngày 01/8/2021, được xác định là thời điểm được tính lãi suất. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 15/5/2023 là 21 tháng 15 ngày.

Cách tính lãi suất như sau:  $(700.000.000\text{đồng} \times (10\%:12) \text{ tháng} \times 21 \text{ tháng}) + (700.000.000\text{đồng} \times (10:12:30) \times 15 \text{ ngày}) = 125.416.666\text{đồng}$ . Như vậy, tổng cả gốc và lãi là: 825.416.666 đồng.

Tại phiên tòa, xét hoàn cảnh khó khăn của phía bị đơn, chị V đồng ý lấy tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 780.000.000đồng (Trong đó 700.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi là 80.000.000đồng) và chị V cũng thừa nhận vợ chồng anh L, chị Y đã trả được 35.000.000đồng tiền lãi, nên được trừ số tiền đã trả. Nên tổng cả gốc và lãi mà bên vay có nghĩa vụ còn phải trả là 745.000.000đồng.

*[2.3]. Về trách nhiệm trả nợ:*

*Xét trình bày của ông T, bà H và vợ chồng anh L, chị Y cho rằng đây là khoản tiền nợ riêng của vợ chồng anh L và chị Y đối với chị V thấy rằng:* Tại giấy vay tiền được vợ chồng ông T, bà H và vợ chồng anh L, chị Y thừa nhận chữ ký, chữ viết mục người vay tiền là của ông T, bà H và vợ chồng anh L, chị Y là chứng cứ được các bên thừa nhận.

Ông T, bà Y cho rằng số tiền này anh L và chị Y vay để làm ăn, ông bà không được sử dụng để từ chối nghĩa vụ trả nợ không có căn cứ bởi lẽ. Ông

T, bà H cũng thừa nhận, chị V đến nhà trao đổi phải có ông bà cùng ký vào mục người vay tiền và nếu vợ chồng anh L chị Y không trả được nợ thì ông bà có nghĩa vụ trả nợ, nếu không trả được thì phải trả bằng 15 mét đất mặt đường; trong đó có 200m<sup>2</sup> ở, còn lại là đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 149, tờ bản đồ số 80, đứng tên vợ chồng ông T, bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2016; tại khu 10, xã HL, huyện C, tỉnh Phú Thọ cho chị V và ông bà cũng nhất trí đề nghị đó của chị V sau đó ông bà ký vào mục người vay tiền cùng với anh L và chị Y.

Như vậy, việc thỏa thuận giữa chị V và vợ chồng ông T, bà H mặc dù không thỏa thuận cụ thể nghĩa vụ bao nhiêu, nhưng thể hiện có trách nhiệm chung đối với khoản tiền vay của chị V 700.000.000 đồng. Tại điều 464 của Bộ luật Dân sự quy định “Bên vay trở thành chủ sở hữu tài sản vay kể từ thời điểm nhận tài sản đó”. Như trên đã xác định, chị V đã giao tài sản cho bên vay đã hoàn thành, việc sử dụng tài sản vay như thế nào là quyền định đoạt của bên vay. Việc ông T, bà H đồng ý để cho vợ chồng anh L, chị Y sử dụng để chồng lấy vốn làm ăn chị V không có nghĩa vụ phải biết. Do đó, phải buộc cả vợ chồng ông T bà H cùng phải có nghĩa vụ trả nợ chung số tiền nợ cho chị V là có căn cứ.

Căn cứ khoản 2 Điều 27 và khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình quy định về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng quy định:

*"Điều 27. Trách nhiệm liên đới của vợ, chồng*

*1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này.*

*2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này."*

*"Điều 37. Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng*

*Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:*

*1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm".*

Hợp đồng vay tiền do vợ chồng ông T, bà H và vợ chồng anh L, chị Y các bên vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập với chị V. Do đó, bốn người phải chịu nghĩa vụ tương ứng đối với toàn bộ nghĩa vụ tiền gốc và lãi vay của chị V với tổng số tiền 745.000.000 đồng. Trong đó vợ chồng ông T, bà H phải liên đới chịu ½ nghĩa vụ tương ứng số tiền 372.500.000 đồng và vợ chồng anh L, chị Y phải liên đới chịu ½ nghĩa vụ tương ứng số tiền 372.500.000 đồng.

Ông T, anh L và chị Y xin được trả nợ dần, tuy nhiên do chị V không chấp nhận, nên căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 cần buộc ông T, bà H, anh L, chị Y phải trả tiền cho chị V một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.4]. *Xét thỏa thuận của các bên đương sự, tại giấy vay tiền nội dung: Nếu không trả được tiền nợ thì phải trả bằng 15 mét đất mặt đường, trong đó*

*có 200m<sup>2</sup> ở, còn lại là đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 149, tờ bản đồ số 80, đứng tên vợ chồng ông T, bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2016; tại khu 10, xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ thấy rằng: Thoả thuận trên của các đương sự là nhằm đảm bảo thực hiện hợp đồng vay tiền. Tuy nhiên, tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, nhưng các bên không thực hiện thủ tục đăng ký bảo đảm theo quy định của pháp luật về đất đai. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà các bên đều không yêu cầu Toà án xem xét thực hiện điều kiện đảm bảo của hợp đồng vay tài sản, do vậy hội đồng xét xử không xem xét.*

*[3]. Về án phí:*

Do yêu cầu của chị Nguyễn Thị V được chấp nhận nên ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị H, anh Đặng Văn L, chị Lương Thị Y phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, do ông T, bà H là người cao tuổi, xin miễn án phí nên miễn án phí cho vợ chồng ông T, bà H tương ứng với phần nghĩa vụ trả nợ của ông T, bà H theo quy định pháp luật. Anh L chị Y phải chịu án phí tương ứng với phần nghĩa vụ trả nợ của anh L, chị Y theo quy định pháp luật. Chị V được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 463; 464; Điều 466; khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2, khoản 9 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

**Xử.**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V. Buộc vợ chồng ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị H và vợ chồng anh Đặng Văn L, chị Lương Thị Y phải trả cho chị Nguyễn Thị V số tiền nợ gốc là 700.000.000đồng (Bảy trăm Triệu đồng). Tiền nợ lãi là 80.000.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 780.000.000đồng. Xác nhận bên vay đã trả được số tiền lãi là 35.000.000đồng. Còn phải trả số tiền gốc là 700.000.000đồng và tiền lãi là 45.000.000đồng. Tổng cả gốc và lãi 745.000.000đồng (Bảy trăm bốn mươi lăm Triệu đồng).

*Kỷ phân trả nợ như sau:*

Vợ chồng ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị H phải liên đới trả cho chị Nguyễn Thị V số tiền 372.500.000đồng (Ba trăm bảy mươi hai T năm trăm nghìn đồng).

Vợ chồng anh Đặng Văn L và chị Lương Thị Yên phải liên đới trả cho chị V số tiền 372.500.000đồng (Ba trăm bảy mươi hai T năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[2]. *Về án phí*: Ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đặng Văn L, chị Lương Thị Y phải liên đới chịu 18.625.000đồng (Mười tám T sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Nguyễn Thị V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.000.000đồng (Mười sáu Triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008030 ngày 21/10/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết để đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- VKS huyện Cẩm Khê;
- THADS huyện Cẩm Khê;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
**THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Hán Hưởng**



